

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

(Bachelor program specification)

NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHĐT, ngày / /2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 05/2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng.....	5
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo.....	5
3. Mục tiêu đào tạo	5
4. Thông tin tuyển sinh	5
5. Điều kiện nhập học	6
6. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng 3 năm 2023	6
8. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp.....	6
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó:.....	9
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết	9
3. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT	13
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy	18
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập	18
PHẦN IV: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	Error! Bookmark not defined.
PHẦN V: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	Error! Bookmark not defined.
5.1. Tiếng Anh 1	Error! Bookmark not defined.
5.2. Tiếng Anh 2	Error! Bookmark not defined.
5.3. Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
defined.	
5.4. Công tác quốc phòng, an ninh	Error! Bookmark not defined.
5.5. Quân sự chung	Error! Bookmark not defined.
5.6. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.....	Error! Bookmark not defined.
5.7. Giáo dục thể chất 1	Error! Bookmark not defined.
5.8. Giáo dục thể chất 2 – Bơi	Error! Bookmark not defined.
5.9. Bóng đá.....	Error! Bookmark not defined.
5.10. Bóng chuyền.....	Error! Bookmark not defined.
5.11. Cầu lông.....	Error! Bookmark not defined.
5.12. Võ thuật Vovinam.....	Error! Bookmark not defined.
5.13. Võ thuật Karatedo.....	Error! Bookmark not defined.
5.14. Cờ vua.....	Error! Bookmark not defined.
5.15. Bóng bàn.....	Error! Bookmark not defined.
5.16. Bóng ném.....	Error! Bookmark not defined.
5.17. Bóng rổ	Error! Bookmark not defined.

5.18. Quần vợt.....	Error! Bookmark not defined.
5.19. Đá cầu.....	Error! Bookmark not defined.
5.20. Nhập môn ngành Giáo dục công dân.....	Error! Bookmark not defined.
5.21. Triết học Mác - Lênin.....	Error! Bookmark not defined.
5.22. Pháp luật Việt Nam đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.23. Kinh tế chính trị Mác - Lênin.....	Error! Bookmark not defined.
5.24. Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	Error! Bookmark not defined.
5.25. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	Error! Bookmark not defined.
5.26. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
5.27. Nhập môn khoa học giao tiếp.....	Error! Bookmark not defined.
5.28. Văn hóa học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.29. Tiếng Việt thực hành.....	Error! Bookmark not defined.
5.30. Phương pháp tư duy.....	Error! Bookmark not defined.
5.31. Xã hội học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.32. Logic học.....	Error! Bookmark not defined.
5.33. Tâm lý học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.34. Giáo dục học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.35. Giáo dục học trung học.....	Error! Bookmark not defined.
5.36. Tâm lý học trung học.....	Error! Bookmark not defined.
5.37. Quản lý HCNN và QL ngành GD.....	Error! Bookmark not defined.
5.38. Văn hóa học và văn hóa Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
5.39. Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	Error! Bookmark not defined.
5.40. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống.....	Error! Bookmark not defined.
5.41. Hiến pháp và định chế chính trị.....	Error! Bookmark not defined.
5.42. Toàn cầu hóa và những vấn đề toàn cầu của thời đại.....	Error! Bookmark not defined.
5.43. Phương pháp giáo dục STEM/STEAM.....	Error! Bookmark not defined.
5.44. Đạo đức học.....	Error! Bookmark not defined.
5.45. Lịch sử tư tưởng Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
5.46. Chính trị học.....	Error! Bookmark not defined.
5.47. Kinh tế học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
5.48. Lịch sử các học thuyết kinh tế.....	Error! Bookmark not defined.
5.49. Giáo dục môi trường qua môn Giáo dục công dân.....	Error! Bookmark not defined.
5.50. Thể chế chính trị Việt Nam và thế giới.....	Error! Bookmark not defined.
5.51. Lý luận dạy học chương trình môn Giáo dục công dân....	Error! Bookmark not defined.
5.52. Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở....	Error! Bookmark not defined.
5.53. Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.....	Error! Bookmark not defined.
5.54. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ.....	Error! Bookmark not defined.
5.55. Pháp luật thực định.....	Error! Bookmark not defined.
5.56. Giáo dục gia đình.....	Error! Bookmark not defined.
5.57. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục công dân ..	Error! Bookmark not defined.
5.58. Giáo dục quyền con người.....	Error! Bookmark not defined.

- 5.59. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học chương trình môn GDCD ở trung học **Error! Bookmark not defined.**
- 5.60. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.61. Chính trị học so sánh **Error! Bookmark not defined.**
- 5.62. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.63. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.64. Giáo dục phòng, chống tham nhũng, tiêu cực **Error! Bookmark not defined.**
- 5.65. Xây dựng và phát triển chương trình..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.66. Giáo dục giá trị **Error! Bookmark not defined.**
- 5.67. Luật học so sánh **Error! Bookmark not defined.**
- 5.68. Giáo dục công dân toàn cầu..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.69. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học **Error! Bookmark not defined.**
- 5.70. Công tác Đảng và Đoàn thể **Error! Bookmark not defined.**
- 5.71. Thực tế chuyên môn **Error! Bookmark not defined.**
- 5.72. Rèn luyện NVSPTX 1..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.73. Rèn luyện NVSPTX 2..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.74. Rèn luyện NVSPTX 3..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.75. Thực tập cơ sở..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.76. Thực tập tốt nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.77. Khóa luận tốt nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.78. Chuyên đề giáo dục đạo đức..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.79. Chuyên đề giáo dục kinh tế..... **Error! Bookmark not defined.**
- 5.80. Chuyên đề giáo dục pháp luật..... **Error! Bookmark not defined.**
6. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo..... **Error! Bookmark not defined.**

Phụ lục 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo ..**Error! Bookmark not defined.**

Phụ lục 2: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo giáo dục công dân, trình độ đại học ..**Error! Bookmark not defined.**

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Giáo dục Công dân
Tiếng Việt: Giáo dục Công dân
Tiếng Anh: Civic Education
- Mã số ngành đào tạo: 7140204
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Công dân
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cho các trường trung học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên; làm việc trong các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội.

4. Thông tin tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

4.3. Phương thức tuyển sinh:

4.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

4.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

4.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

4.3.4. Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm

5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;

d) Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;

e) Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;

f) Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;

g) Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp;

h) Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày tháng 3 năm 2023

8. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
Kiến thức	
1.1. Hiểu được kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2
1.2. Vận dụng được kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học, khoa học giáo dục, khoa học tâm lý, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá vào quá trình học tập, giảng dạy và hoạt động nghề nghiệp.	3
1.3. Phân tích được kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn vào hoạt động nghề nghiệp.	4
1.4. Đánh giá được kiến thức về ngành Giáo dục công dân vào hoạt động giáo dục.	5
Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức	
<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
2.1. Sử dụng được các nguồn tư liệu, thông tin về xu hướng, nhu cầu, đặc điểm của người học vào học tập, nghiên cứu và hoạt động giáo dục.	2
2.2. Chuẩn xác trong phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề của khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	3
2.3. Thành thạo trong việc sử dụng kiến thức của ngành giáo dục công dân và khoa học giáo dục trong xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục.	4
<i>Kỹ năng mềm</i>	
2.4. Vận dụng hiệu quả ngoại ngữ, tin học và các cách tiếp cận, thu thập xử lý thông tin của người học vào hoạt động nghề nghiệp.	2

2.5. Thành thạo trong giao tiếp, tạo dựng môi trường giáo dục khoa học, dân chủ, an toàn, thân thiện, hợp tác và nhân văn.	4
<i>Phẩm chất đạo đức</i>	
2.6. Đảm bảo chuẩn mực đạo đức nhà giáo, tác phong sư phạm, yêu nghề, yêu quê hương, đất nước và có lối sống văn minh, tiến bộ.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	
3.1. Đánh giá được trách nhiệm và thể hiện tinh thần cống hiến của người giáo viên trong sự nghiệp giáo dục.	3
3.2. Tổ chức được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong công việc; tổ chức làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích ứng tốt với môi trường sống.	4
3.3. Thực hiện giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo; phản biện vấn đề phù hợp, tự lập kế hoạch, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm trong thực hiện các kế hoạch cá nhân và tập thể.	5

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: **40**
 - + Bắt buộc: 35 TC
 - + Tự chọn: 05 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: **94**
 - + Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 10 TC
 - + Kiến thức cơ sở ngành: 18 TC (Bắt buộc 14 TC/Tự chọn 04 TC)
 - + Kiến thức chuyên ngành: 35 TC (Bắt buộc 31 TC/Tự chọn 04 TC)
 - + Kiến thức bổ trợ: 05 TC
 - + Thực hành thực tập nghề nghiệp: 20TC
 - + Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế: 06 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

T T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			40						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Boi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3

5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			21						
1. Học phần đại cương bắt buộc			17						
1	CE4000	Nhập môn ngành Giáo dục công dân	1	15	0				1
2	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
3	PO4091	Triết học Mác - Lênin	4	60	0				1
4	PO4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	45	0		PO4091		2
5	PO4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		PO4092		3
6	GE4056H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		PO4092		3
7	PO4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0		GE4056H		4
2. Học phần đại cương tự chọn			4						
1	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	20	10				2
2	GE4068	Văn hóa học đại cương	2	30	0				2
3	GE4122	Tiếng Việt thực hành	2	20	10				2
4	GE4201	Phương pháp tư duy	2	20	10				3
5	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30	0				3
6	CE4002	Logic học	2	30	0				3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			94						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			10						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30	0				1
3	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30	0		GE4017		2
4	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30	0		GE4045		2
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30	0				6
II. Kiến thức cơ sở ngành			18						
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			14						

1	CE4003	Văn hóa học và văn hóa Việt Nam	2	30	0				2
2	PO4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	10	20				3
3	CE4004	Phương pháp giáo dục kỹ năng sống	2	15	15				3
4	PO4106	Hiến pháp và định chế chính trị	2	30	0		GE4039		4
5	CE4005	Toàn cầu hóa và những vấn đề toàn cầu của thời đại	2	20	10				5
6	CE4006	Phương pháp giáo dục STEM/STEAM	2	15	15				5
7	PO4001N	Đạo đức học	2	30	0				5
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 04 tín chỉ)			4						
1	PO4008	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	30	0				4
2	PO4000	Chính trị học	2	30	0				4
3	GE4023	Kinh tế học đại cương	2	30	0				4
4	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	0				5
5	CE4007	Giáo dục môi trường qua môn Giáo dục công dân	2	15	15				5
6	CE4008	Thế chế chính trị Việt Nam và thế giới	2	30	0				5
III. Kiến thức chuyên ngành			35						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			31						
1	CE4009	Lý luận dạy học chương trình môn Giáo dục công dân	2	20	10				2
2	CE4010	Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở	3	15	15		CE4009		3
3	CE4011	Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông	3	15	15		CE4009		4
4	CE4012	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30	0				4
5	PO4016N	Pháp luật thực định	3	30	0		GE4039		5
6	PO4002	Giáo dục gia đình	2	30	0				5
7	CE4013	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục công dân	2	10	20				6
8	PO4224	Giáo dục quyền con người	2	30	0				6
9	CE4014	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học chương trình môn	2	15	15				6

		Giáo dục công dân ở trung học							
10	CE4015	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	2	30	0				7
11	CE4016	Chính trị học so sánh	2	30	0				7
12	CE4017	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	30	0				7
13	CE4018	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	30	0				7
14	CE4019	Giáo dục phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	2	30	0				7
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			4						
1	PO4221	Xây dựng và phát triển chương trình	2	20	10				6
2	PO4223	Giáo dục giá trị	2	30	0				6
3	CE4020	Luật học so sánh	2	30	0				7
4	CE4021	Giáo dục công dân toàn cầu	2	30	0				7
IV. Kiến thức bổ trợ			5						
1	PO4170	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	2	15	15				5
2	PO4172	Công tác Đảng và đoàn thể	2	10	20				7
3	CE4023	Thực tế chuyên môn	1	0	15				7
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp			16						
1	CE4024	Rèn luyện NVSPTX 1	2	0	60				2
2	CE4025	Rèn luyện NVSPTX 2	2	0	60		CE4024		3
3	CE4026	Rèn luyện NVSPTX 3	2	0	60		CE4025		4
4	CE4027	Thực tập cơ sở	6	0	180				6
5	CE4028	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	CE4029	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180				8
2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1	CE4030	Chuyên đề giáo dục đạo đức	2	30	0				8
2	PO4230	Chuyên đề giáo dục kinh tế	2	30	0				8
3	PO4226	Chuyên đề giáo dục pháp luật	2	30	0				8
Tổng số TCTL			134	62%	38%				

3. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức						Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C 1	T C 2	T C 3
A	Khối Đại cương chung													
I	Khối học phần đại cương bắt buộc													
1	Nhập môn ngành Giáo dục Công dân				5	2		3		4			5	4
2	Triết học Mác - Lênin			4				3						5
3	Pháp luật Việt Nam đại cương			4				3				3	4	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			4	5			3	4			4		5
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh			5				3				5	5	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học			4				3		2		3	4	
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			4	5			3						5
II	Học phần đại cương tự chọn													
1	Nhập môn khoa học giao tiếp		3			2	2	4	4		3	3	4	5
2	Văn hóa học đại cương			4		3				4		3	3	3
3	Tiếng Việt thực hành			4	5	2	3		2	4	5	3	4	5
4	Phương pháp tư duy		3					4					4	5
5	Xã hội học đại cương			4				3						4
6	Logic học			3	4	2	3	4					3	4

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức				Kỹ năng/Chất lượng đạo đức						Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C 1	T C 2	T C 3
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành													
1	Tâm lý học đại cương		3						4		3	3	4	5
2	Giáo dục học đại cương		3						4		3			5
3	Giáo dục học trung học		3						4		3	2	4	5
4	Tâm lý học trung học		3						4		3	3	4	5
5	Quản lý HCNN và QL ngành GD		3						4			3	4	5
II	Khối kiến thức cơ sở ngành													
II.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc													
1	Văn hóa học và văn hóa Việt Nam			4		3				4		4	4	3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3			2	3						4	
3	Phương pháp giáo dục kỹ năng sống		3			3	3			2	2	2	4	
4	Hiến pháp và định chế chính trị				4			3	4				4	2
5	Toàn cầu hóa và những vấn đề toàn cầu của thời đại			3	5		3			4		5		3
6	Phương pháp giáo dục STEM/STEAM				5			4		4			4	5
7	Đạo đức học				5			4	5		3			5
II.2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn													
1	Lịch sử tư tưởng Việt Nam			3	4	2	3						4	5

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức				Kỹ năng/Chất lượng đạo đức						Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C 1	T C 2	T C 3
2	Chính trị học			4	5	2	3	4					4	5
3	Kinh tế học đại cương			3						4	3			3
4	Lịch sử các học thuyết kinh tế			4		4				3		4		
5	Giáo dục môi trường qua môn Giáo dục công dân		3	4	5	2	3	4				3	5	4
6	Thể chế chính trị Việt Nam và thế giới			3	4	2	3	4					3	4
III	Khối kiến thức chuyên ngành													
III.1	Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc													
1	Lý luận dạy học chương trình môn Giáo dục công dân	2	3	4	5		3	4				3		5
2	Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở		3	4	5		3			4		3		5
3	Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông				4				3			4	5	4
4	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	3				2	3	4	4	5	3	4	
5	Pháp luật thực định		3	4		2	3		4				4	5
6	Giáo dục gia đình			4			4					5		5
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục công dân		3							2			4	
8	Giáo dục quyền con người			4	5		3	4				3	4	
9	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học chương trình môn Giáo dục công dân ở trung học				4		5	2		3		3	5	4

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức				Kỹ năng/Chất lượng đạo đức						Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C 1	T C 2	T C 3
10	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa													
11	Chính trị học so sánh				3			4		4		4		5
12	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam			4	5					4	5			5
13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp				4			4		4		3		
14	Giáo dục phòng, chống tham nhũng, tiêu cực			4	5					4	5		4	5
III.2	Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn													
1	Xây dựng và phát triển chương trình	2			5		3	4						5
2	Giáo dục giá trị			4			3	4			3	3	4	
3	Luật học so sánh			4	5			2	3	3		3		
4	Giáo dục công dân toàn cầu				5			4		4		5		4
IV	Khối kiến thức bổ trợ													
1	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học		3	4		2							4	5
2	Công tác Đảng và đoàn thể				5			4			3	3	4	
3	Thực tế chuyên môn		3	4	5		3			4		5		5
V	Khối thực hành, thực tập nghề nghiệp													
1	Rèn luyện NVSPTX 1		3	5			4			3			3	5
2	Rèn luyện NVSPTX 2			4	5		3	4					4	5

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức				Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức						Mức tự chủ và trách nhiệm		
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C 1	T C 2	T C 3
3	Rèn luyện NVSPTX 3			4	5		3	4					4	5
4	Thực tập cơ sở		3			2				4	4	3		5
5	Thực tập tốt nghiệp		5		2		3			4	4	5	4	5
VI	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế													
V.1	Khóa luận tốt nghiệp													
	Khóa luận tốt nghiệp		5		2		3			4	4	5	4	5
V.2	Học phần thay thế													
1	Chuyên đề giáo dục đạo đức	2	3		5	2	3	4				3	4	5
2	Chuyên đề giáo dục kinh tế			4			3					4	5	
3	Chuyên đề giáo dục pháp luật		3	4			3	4						5

4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

4.2. Phương pháp giảng dạy

- Kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập, phù hợp với nội dung học phần và hướng đến sự cập nhật và hiện đại.

- Tích cực hóa người học, phát huy tính năng động, sáng tạo, tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu những nội dung mở rộng trong học phần dưới sự định hướng của GV. Trong quá trình dạy và học, áp dụng những phương pháp theo hướng phát triển toàn diện năng lực, lấy người học là trung tâm.

- Tích cực hóa và nâng cao hiệu quả các buổi thảo luận thực hành, rèn luyện.

- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo hướng phát triển kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Cách thức đánh giá được thực hiện theo Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp, trong đó:

+ Điểm đánh giá thường xuyên (có trọng số từ 30% - 50%) và điểm thi kết thúc học phần (có trọng số từ 50% - 70%) được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng.

+ Điểm học phần sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A	(8.50 – 10)	Giỏi
	B	(7.00 – 8.40)	Khá
	C	(5.50 – 6.90)	Trung bình
	D	(4.00 – 5.40)	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F	(dưới 4.0)	Kém

Để được xếp loại D trở lên thì điểm thi kết thúc học phần không được dưới 3.00 (thang điểm 10).

- Về cách thức đánh giá kết quả học tập, các học phần trong chương trình đào tạo thực hiện đa dạng các hình thức đánh giá như vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập lớn. Mục tiêu của việc đa dạng các hình thức đánh giá nhằm đảm bảo tính

khách quan, công bằng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cho người học.

